
ABSTRACTS IN VIETNAMESE

Các chiến lược can thiệp và sức khỏe tâm thần ở Việt Nam

Edward Cohen's

Tóm tắt: Bài viết này đi vào đánh giá thực trạng các dịch vụ sức khỏe tâm thần ở Việt Nam và qua đó đề ra những đề xuất cải thiện việc chăm sóc những người có vấn đề sức khỏe tâm thần. Các vấn đề về sức khỏe tâm thần ở Việt Nam cũng được biểu lộ rõ như nhiều quốc gia khác trên thế giới. Quốc gia này gần đây đã thực hiện kế hoạch điều chỉnh lại hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần qua mô hình nâng cao các dịch vụ dựa vào cộng đồng cho những người có các vấn đề sức khỏe tâm thần nghiêm trọng. Mặc dù vậy, vấn đề sức khỏe tâm thần chưa phải là nội dung được bàn luận nhiều trong đời sống xã hội của Việt Nam. Hiện còn ít quan điểm chấp nhận những biểu hiện này trong cuộc sống (như về căng thẳng, lo âu, nghiện

rượu) và các hoạt động chăm sóc người có sức khỏe tâm thần lại quá dựa vào gia đình mà ít có các nguồn lực của cộng đồng, hoặc vào các cơ sở tại địa bàn hơn là có sự chuẩn bị hỗ trợ phục hồi trong thời gian dài. Nhìn chung, hoạt động can thiệp nhiều dựa trên cộng đồng và các chương trình cải thiện sức khỏe cần hướng đến nâng cao nhận thức của xã hội về những rối loạn tâm thần, hướng đến các đối tượng dễ bị tổn thương có nguy cơ cao khi có những vấn đề rối nhiễu tâm thần, và cần giúp các cộng đồng chuẩn bị để có sự hỗ trợ tốt hơn cho những người có bệnh tâm thần nghiêm trọng.

Từ khóa: Sức khỏe tâm thần; can thiệp; Việt Nam; công tác xã hội; dựa vào cộng đồng.

Các biến điều kiện ảnh hưởng đến hiệu quả trị liệu đa hệ thống cho vị thành niên có rối loạn hành vi nghiêm trọng

Trần Thành Nam, Bahr Weiss

Tóm tắt: Rối loạn hành vi ở vị thành niên gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về cả phương diện xã hội và cá nhân. Một trong những chương trình hiệu quả nhất để can thiệp rối loạn hành vi ở vị thành niên là trị liệu đa hệ thống (MST). Mặc dầu các nghiên cứu đã chứng minh tính hiệu quả của liệu

pháp, chúng ta chưa biết nhiều về những điều kiện để MST đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu này kiểm chứng các biến điều kiện tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả điều trị MST trên 164 khách thể được lựa chọn ngẫu nhiên để nhận can thiệp bằng MST hoặc nhận can thiệp theo cách thông thường.

Qua đó, một số biến điều kiện có ảnh hưởng đã được xác định. Nhìn chung, vị thành niên từ những gia đình có hoạt động chức năng hiệu quả sẽ hưởng lợi nhiều hơn từ can thiệp MST so với vị thành niên đến từ những gia đình hoạt động chức năng kém hiệu quả. Có 8 trên 10 biến điều kiện được có ý nghĩa được xác định qua phân tích có liên quan tới hoạt động chức năng của gia đình hoặc của cha mẹ đã đã chứng minh nhận định này. Một số giả định về hiệu ứng này đã được đưa ra bao gồm việc (I) các gia đình có hoạt

động chức năng tốt hơn dễ dàng truy cập vào các nguồn tài nguyên hỗ trợ hữu ích, (II) trong những gia đình có sự cố kết chặt chẽ và ấm áp hơn, vị thành niên ít có khả năng phản ứng tiêu cực ngay với những giới hạn hành vi do cha mẹ đặt ra, và (III) những gia đình này thường đã có sẵn những hệ thống quy tắc trong gia đình, chỉ là bản thân nội dung các quy tắc chưa phù hợp.

Từ khóa: Trị liệu đa hệ thống; MST; rối loạn hành vi vị thành niên; biến điều kiện hiệu quả trị liệu.

Giới thiệu kỹ thuật khảo sát KSAP trong nghiên cứu du lịch dựa vào cộng đồng: Nghiên cứu trường hợp Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Trần Đức Thanh

Tóm tắt: Bài báo giới thiệu một phương pháp điều tra mới để xác định năng lực của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, được gọi là kỹ thuật KSAP (Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ và Thực hành). Xuất xứ của KSAP là kỹ thuật KAP (Kiến thức, Thái độ và Thực hành), một kỹ thuật khảo sát được sử dụng nhiều trong các công trình nghiên cứu về cộng đồng như trong nghiên cứu kế hoạch hóa gia đình, trong nghiên cứu y tế công cộng. Kỹ thuật này tập trung đi sâu khảo sát ba khía cạnh chính của nhận thức của cộng đồng. Mặc dù kỹ thuật này đã quá quen thuộc trong nghiên cứu Y học nhưng trong nghiên cứu du lịch nói chung, du lịch dựa vào cộng đồng nói riêng, KAP còn khá xa lạ. Học tập các học giả ngành Y, chúng tôi muốn đưa kỹ thuật này vào nghiên cứu khảo sát du lịch, đặc biệt là vào du lịch dựa vào cộng đồng. Khi áp dụng vào du lịch, cần bổ sung thêm

một thành phần nữa là kỹ năng. KSAP là một phương pháp định lượng (câu hỏi được xác định trước định dạng trong bảng câu hỏi chuẩn) cho phép tiếp cận cả thông tin định lượng và định tính. Từ các dữ liệu thu thập được, KSAP cho phép xác định khoảng cách giữa các thành phần, nghĩa là giữa hiểu biết, kỹ năng, thái độ và hành động thực tế. KSAP hỗ trợ tìm giải pháp nâng cao hiểu biết về du lịch, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ du lịch, giúp phát triển hành nghề kinh doanh du lịch trong nhân dân địa phương. Các giải pháp được đề xuất phản ánh hoàn cảnh cụ thể của địa bàn như các yếu tố văn hóa, đề ra được kế hoạch phù hợp. Kết quả ứng dụng KSAP tại Na Hang minh họa tầm quan trọng của kỹ thuật khảo sát KSAP.

Từ khóa: Du lịch dựa vào cộng đồng; kỹ thuật khảo sát; y tế công cộng; KAP; KSAP; Na Hang.

Nghiên cứu phiên bản sớm nhất về truyện Quan Âm Diệu Thiện ở Việt Nam: Bản cải tác tiểu thuyết Trung Quốc bằng chữ Nôm

Rostislav Berezkin, Nguyễn Tô Lan

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu nguồn gốc và đặc điểm của phiên bản Việt Nam sớm nhất hiện tồn của truyện kể về Công chúa Diệu Thiện-Nam Hải Quan âm Bản hạnh Quốc ngữ. Văn bản này thuộc thể loại hạnh-kể sự tích của Quan âm Bồ Tát được Hoà thượng Thích Chân Nguyên biên soạn vào cuối thế kỉ XVII. Trên cơ sở nghiên cứu so sánh những điểm dị biệt giữa phiên bản Việt Nam và Trung Quốc của câu chuyện này, bài viết chỉ ra rằng *Nam Hải Quan âm Bản hạnh Quốc ngữ* được biên soạn dựa trên tiểu thuyết Trung Quốc *Nam Hải Quan âm Toàn*

truyện (cuối thế kỉ XVI), qua đó cải chính những quan điểm trước đó của học giới về lịch sử truyền bá câu chuyện Quan Âm Diệu Thiện ở Việt Nam. Phiên bản Việt Nam sớm nhất này trình hiện đặc thù của trao đổi văn hoá Hán-Việt từ góc độ Phật giáo qua sự đan xen lẫn nhau giữa thành tố văn học viết (Hán văn) và văn học thông tục (Việt văn) trong câu chuyện.

Từ khóa: Quan Âm; Phật giáo Việt Nam; văn bản Phật giáo quốc ngữ; giao lưu văn hoá; phiên dịch.

Hướng đến một nền tảng khoa học cho quá trình chuẩn bị của giáo viên

Robert A. Gable

Tóm tắt: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu: Hiện có những áp lực ngày càng gia tăng đối với đội ngũ giảng viên qua việc quá dựa vào các hoạt động giảng dạy dựa trên bằng chứng. Các nghiên cứu gần đây có cho thấy rất ít giảng viên tham gia vào các hoạt động giảng dạy như vậy hoặc triển khai thực hiện trong khoảng thời gian dài. Việc thay thế các chiến lược như vậy bằng một mô hình khác thực nghiệm hơn cũng sẽ hiện ra nhiều thách thức.

Vấn đề nghiên cứu: Một thách thức rất lớn còn tồn tại theo mô hình cải tiến các chương trình chuẩn bị cho giảng viên đó chính là cần biết về khoa học sư phạm là gì. Hơn nữa, một khi sinh viên sư phạm tốt

nghiệp, các cách thức được nhận diện trong thúc đẩy các hoạt động giảng dạy dựa trên bằng chứng chính là về sự gắn kết, trung thành.

Kết quả: Trước hết, dựa trên việc tổng quan vấn đề, có thể thấy các chuyên gia đào tạo giáo viên đã đánh giá một cách tích cực về chương trình đào tạo đại học và thực tiễn giảng dạy để đảm bảo rằng có được sự hỗ trợ mang tính thực nghiệm. Thứ hai, cần gắn định hướng đổi mới trường đại học với những trải nghiệm tại cộng đồng một cách chặt chẽ. Thứ ba, một điều rất quan trọng là cung cấp cho những giáo viên mới vào nghề có được sự hướng dẫn cụ thể, hệ thống về nơi làm việc để làm giảm sự khác biệt giữa

trường đại học và hệ thống trường học. Cuối cùng, việc hướng dẫn nghề nghiệp được xem như một công cụ quan trọng để giúp cho giảng viên có sự gắn kết và sử dụng lâu dài mô hình này.

Từ khóa: Chuẩn bị cho giảng viên; giảng dạy dựa trên bằng cứ; sự trung thành, hướng dẫn giảng viên; tập huấn; phát triển nghề nghiệp.

Những thách thức về mặt quản lý đối với hiện tượng định cư tự phát tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Trường hợp xã Thới Tam Thôn

Hoàng Công Trí, Phạm Minh Thiên Phước, Nguyễn Thanh Hùng

Tóm tắt: Nhà ở phi chính thức là hiện tượng nhức nhối đang diễn ra tại hầu hết các siêu đô thị của những quốc gia đang phát triển. Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) với tốc độ đô thị hóa rất nhanh đang phải đối mặt với vấn nạn nhà ở không chính thống phát triển tràn lan. Tuy nhiên, TP.HCM có điểm khác biệt so với những thành phố khác tại các nước đang phát triển đó là: (I) Môi trường sống thuộc khu vực phi chính thức tốt hơn và (II) hầu hết các hộ gia đình có khả năng hợp thức hóa nhà ở. Điều này xuất phát từ sự nới lỏng chính sách trong việc hợp thức hóa một phần những nhà ở không đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Nhà nước thường xuyên nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng những khu vực đã hình thành khu dân cư; giá đất và xây dựng của khu vực phi chính thức rất phải chăng so với kênh chính thức đã giúp đại đa số người dân có nhà. Thới Tam Thôn, một xã tập trung rất đông nhà ở xây dựng trái phép tại Huyện Hóc Môn,

TP.HCM, được chọn làm thí điểm nghiên cứu để chứng minh cho điểm khác biệt trên cũng như phân tích khó khăn về mặt chính sách của thành phố đối với nhà ở phi chính thức. Kết quả điều tra và số liệu thu thập cho thấy chi phí nhà ở khu vực phi chính thức phù hợp hơn với khả năng chi trả của người dân, điều kiện sinh sống của người dân trong khu vực phi chính thức vẫn chấp nhận được. Kết quả cũng phản ánh sự nhận thức được rủi ro của phần lớn người dân khi giao dịch nhà ở xây dựng trái phép, nhưng do giá cả phù hợp với mức thu nhập cùng với sự hy vọng khả năng được hợp thức hóa đã khiến cho rất nhiều người lựa chọn khu vực này. Từ kết quả nghiên cứu thí điểm này, một vài nhận định được đề xuất nhằm quản lý nhà ở phi chính thức tốt hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững của TP.HCM.

Từ khóa: Thành phố Hồ Chí Minh; nhà ở phi chính thức; định cư tự phát; nhà ở xã hội; phát triển đô thị.

Nhận diện các nhân tố tác động đến quyết định nghỉ hưu sớm của người lao động: Ý nghĩa cho Việt Nam nhằm giảm sự thiếu hụt lao động tiềm năng do già hóa dân số

Nguyễn Thị Thu Hà

Tóm tắt: Khi tỷ lệ dân số cao tuổi (những người từ 60 tuổi trở lên) tiếp tục gia tăng nhanh chóng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, các vấn đề liên quan đến hành vi lao động của những lao động lớn tuổi đã và đang trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm lớn của công chúng. Lực lượng lao động già hóa sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động và trở thành một gánh nặng lớn cho hệ thống hưu trí công trong tương lai gần. Do đó, các chính phủ đang khuyến khích người lao động lớn tuổi tiếp tục làm việc trẻ hơn trong cuộc sống và trì hoãn việc nghỉ hưu của mình để giảm bớt sự lệ thuộc vào sự hỗ trợ từ thu nhập của những lao động trẻ. Trong mỗi quan tâm làm thế nào để có thể trì hoãn việc nghỉ hưu của những lao động lớn tuổi, điều thú vị và quan trọng nhất chính là cần phải xác định được những yếu

tố ảnh hưởng đến quyết định nghỉ hưu của người lao động. Chính vì vậy, mục tiêu của bài viết nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định nghỉ hưu sớm của người lao động thông qua việc tổng hợp lại những nghiên cứu quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu, điều này sẽ cung cấp cho các nhà quản trị và các nhà nghiên cứu có một cái nhìn cụ thể và sâu sắc hơn về ý định nghỉ hưu sớm của những người lao động lớn tuổi. Tiếp theo đó, nghiên cứu sẽ đưa ra các khuyến nghị cho phép kéo dài cuộc đời làm việc của những người lao động lớn tuổi cũng như giúp giảm sự thiếu hụt lao động tiềm năng của Việt Nam trong tương lai gần khi xã hội đang già hóa.

Từ khóa: Tác động; nhân tố; lao động lớn tuổi; quyết định nghỉ hưu sớm; lực lượng lao động đang già đi.

Cách hiểu về lý thuyết trong nghiên cứu khoa học xã hội: Tổng luận với minh họa bằng một số trường hợp từ nghiên cứu truyền thông

Phan Quang Anh

Tóm tắt: Bài viết hướng tới việc đưa ra một cái nhìn toàn cảnh từ góc độ bản thể, nhận thức và giá trị về vai trò và vị trí của lý thuyết trong quá trình thực hiện các nghiên cứu trong khoa học xã hội. Để minh họa rõ nét hơn, một vài ví dụ trích xuất từ ngành Nghiên cứu truyền thông được sử dụng để

giúp hiểu rõ tính chất của lý thuyết cũng như cách áp dụng chúng một cách hợp lý, đặc biệt trong môi trường học thuật Việt Nam còn chưa có sự quan tâm đúng mức đối với các lý thuyết cao cấp.

Từ khóa: Lý thuyết; khoa học xã hội; truyền thông.